TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05 Tổ : 001

Mã nhận dạng 03123

CT305

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110 Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi CT202 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13123005	ĐẶNG THỊ	ÁNH	DH13KE		1		3,8	5,5	9,3	9	3
2	13123018	LÂM THỊ	DUNG	DH13KE		1		3,8	5,5	9,3	9	3
3	13123022	PHẠM THỊ	DUNG	DH13KE		1		3,8	2,5	6,3	6	3
4	12124018	DƯƠNG MINH	HẢI	DH12QL					Vắng			
5	13155116	NGUYỄN THỊ XUÂN	HUYÊN	DH13KN		1		3,8	2	5,8	5	8
6	13155117	BÙI THỊ	HUYỀN	DH13KN		1		3,7	2,5	6,2	6	2
7	13155120	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	DH13KN		1		3,6	2	5,6	5	6
8	13155122	NGUYỄN THỊ THÚY	HUỲNH	DH13KN		1		2,5	5	7,5	7	5
9	13155125	HOÀNG THỊ THU	HƯƠNG	DH13KN		1		3,8	3	6,8	6	8
10	13155126	HỨA THỊ MAI	HƯƠNG	DH13KN		1		2,7	5	7,7	7	7
11	13155129	TRƯƠNG THỊ THU	HƯƠNG	DH13KN		1		3,7	6	9,7	9	7
12	13155130	LÊ THỊ THU	HƯỜNG	DH13KN		1		2,4	2,5	4,9	4	9
13	13155134	TRẦN THỊ MỸ	HƯỜNG	DH13KN		1		3,8	3,5	7,3	7	3
14	13155136	PHAN CAO THỊ	HƯỚNG	DH13KN		1		3,8	2	5,8	5	8
15	13155138	NGUYỄN THỊ MINH	KHÔI	DH13KN		1		3,5	3	6,5	6	5
16	13155139	LÊ THỊ	KIỀU	DH13KN		1		3,5	5,5	9	9	0
17	13155144	NGUYỄN THỊ HÀ	LAN	DH13KN		1		3,5	5,5	9	9	0
18	13123065	TRƯƠNG THỊ	LÂN	DH13KE		1		3,8	5,5	9,3	9	3

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05 Tổ : 001

Mã nhận dạng 03123

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110 Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi CT202 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13122075	NGÔ HOÀNG PHƯƠNG	LINH	DH13QT		1		3,8	3	6,8	6	8
20	13155149	NGUYỄN THỊ NINH	LINH	DH13KN		1		3,6	3,5	7,1	7	1
21	13155150	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	DH13KN		1		3,8	6	9,8	9	8
22	13155152	LÊ PHƯỚC	LỢI	DH13KN		2		2,4	5	7,4	7	4
23	13155154	TRƯƠNG CÔNG	LỢI	DH13KN		1		3,4	5,5	8,9	8	9
24	13155155	TRÁC DUY	LUÂN	DH13KN		1		3,3	4,5	7,8	7	8
25	13155160	NGUYỄN THỊ DIỄM	MAI	DH13KN		1		3,6	5,5	9,1	9	1
26	13155161	NGUYỄN THỊ NGỌC	MAI	DH13KN		1		3,6	4,5	8,1	8	1
27	13155163	LÊ VĂN	MONG	DH13KN		1		3,8	4,7	8,5	8	5
28	13155165	NGUYỄN THỊ THÚY	MƠ	DH13KN		1		3,8	5,5	9,3	9	3
29	13155166	NGUYỄN THỊ DIỄM	MY	DH13KN		1		2,6	5	7,6	7	6
30	13155169	THÁI UYÊN	MY	DH13KN		1		1	1,5	2,5	2	5
31	13155171	LÊ THỊ KIỀU	NGA	DH13KN					vắng			
32	13155173	KIỀU LÊ KIM	NGÂN	DH13KN		1		0	1,5	1,5	1	5
33	13155174	TRẦN CÔNG	NGHĨA	DH13KN		1		3,3	2,5	5,8	5	8
34	13155176	ĐỖ THỊ	NGỌC	DH13KN		1		3,6	5	8,6	8	6
35	13155178	NGUYỄN THỊ	NGỌC	DH13KN		1		3,8	2	5,8	5	8
36	13155179	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	DH13KN		1		3,6	3,5	7,1	7	1

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05 Tổ : 001

Mã nhận dạng 03123

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110 Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi CT202 Nhóm : 05 Tổ : 001

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13155180	TRẦN THỊ NHƯ	NGỌC	DH13KN		1		0	1	1	1	0
38	13155181	QUÁCH ĐÌNH	NGUYÊN	DH13KN		1		3,6	5,5	9,1	9	1
39	13155182	NGUYỄN THANH	NHÀN	DH13KN		1		3,6	3	6,6	6	6
40	13155183	NGUYỄN THỊ	NHÀN	DH13KN		1		3,7	5,5	9,2	9	2
41	13155184	TRẦN THỊ	NHÀN	DH13KN		1		3,8	5	8,8	8	8
42	13155187	HUỲNH LỮ	NHI	DH13KN		1		0,8	1,5	2,3	2	3
43	13155188	LÊ BẢO	NHI	DH13KN		1		3,6	5	8,6	8	6
44	13155189	LÊ THỊ	NHI	DH13KN		1		3,6	4,5	8,1	8	1

Số lượng vắng: 2 Hiện diện: : 42

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Ngọc Hà Đỗ Thị Kim Chung TS. Trần Độc Lập Trần Hoài Nam

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 13 Tổ : 005

Mã nhận dạng 03143

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110 Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD205 Nhóm : 13 Tổ : 005

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13333609	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	CD13CQ		1		3,7	3	6,7	6	7
2	13333610	TRẦN THỊ THANH	TRÚC	CD13CQ		1		3,5	5,5	9	9	0
3	13333612	NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	CD13CQ		1		1	0,5	1,5	1	5
4	13333631	HOÀNG MINH CẨM	TÚ	CD13CQ		1		1	0,5	1,5	1	5
5	13333615	NGUYỄN ANH	TUẤN	CD13CQ		1		1	1,5	2,5	2	5
6	13333630	HOÀNG TIẾN	TÙNG	CD13CQ		1		1	0	1	1	0
7	13333620	LÊ THỊ MỘNG	TUYỀN	CD13CQ		1		1	1,5	2,5	2	5
8	12123061	LÊ THỊ THANH	TUYỀN	DH12KE		1		3,6	5	8,6	8	6
9	13333622	NGUYỄN THỊ NGỌC	TUYỀN	CD13CQ		1		3,5	5,5	9	9	0
10	13333623	ĐẶNG HỒNG	TUYẾN	CD13CQ		1		3,7	3	6,7	6	7
11	13333624	BÙI THỊ ÁNH	TUYẾT	CD13CQ		1		3,6	5,5	9,1	9	1
12	13333627	TRẦN THỊ ÁNH	TUYẾT	CD13CQ		1		3,6	5	8,6	8	6
13	13333628	TRƯƠNG THỊ MỘNG	TUYẾT	CD13CQ		1		1	1	2	2	0
14	13333629	NGUYỄN THỊ TỨ	TUYỆT	CD13CQ		1		3,5	3,5	7	7	0
15	13333636	TRẦN THỊ TỐ	UYÊN	CD13CQ		1		3,4	3	6,4	6	4
16	13333640	TRẦN HUỲNH BÍCH	VÂN	CD13CQ		1		2,5	3,5	6	6	0
17	13333641	TRẦN THỊ CẨM	VÂN	CD13CQ		1		3	2	5	5	0
18	13333647	PHẠM QUANG	VINH	CD13CQ		1		1	1,5	2,5	2	5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 13 Tổ : 005

Mã nhận dạng 03143

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110 Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD205 Nhóm : 13 Tổ : 005

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13333645	PHAN DUY	VINH	CD13CQ	Vinh	1		1	1,5	2,5	2	5
20	13333646	PHAN VĂN	VINH	CD13CQ		1		1	1	2	2	0
21	13333651	NGUYỄN MINH	VƯƠNG	CD13CQ								
22	13333654	TRẦN NGUYỄN THẢO	VY	CD13CQ		1		1	1,5	2,5	2	5
23	13333657	LÂM TRIỀU	VỸ	CD13CQ		1		1	1,5	2,5	2	5
24	13333671	ĐỖ THỊ NHƯ	Ý	CD13CQ		1		3,5	5,5	9	9	0
25	13333673	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	CD13CQ		1		3,5	5	8,5	8	5
26	13333674	NGUYỄN THỊ NHƯ	Ý	CD13CQ		1		1	1,5	2,5	2	5
27	13333675	TRẦN NGỌC NHƯ	Ý	CD13CQ		1		3,4	3,6	7	7	0
28	13333662	CHU THỊ	YẾN	CD13CQ		1		3,3	3	6,3	6	3
29	13333666	NGUYỄN HOÀNG HẢI	YẾN	CD13CQ								
30	13333667	PHẠM THỊ HỒNG	YẾN	CD13CQ		1		3,4	3,6	7	7	0
31	13333668	VÕ THỊ KIM	YẾN	CD13CQ		1		3,5	5	8,5	8	5

Số lượng vắng: 2 Hiện diện: : 29

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Văn Thanh

TS. Trần Độc Lập

Trần Hoài Nam

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05

Tổ : 002

Mã nhận dạng 03124

CT305

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110

Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi CT305 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13155192	NGUYỄN THỊ TÚ	NHI	DH13KN				3,8	5,5	9,3	9	3
2	13155194	VÕ THỊ YẾN	NHI	DH13KN				3,6	5	8,6	8	6
3	13155196	TRẦN THỊ MỸ	NHIÊN	DH13KN				3,5	3	6,5	6	5
4	13155198	HỒ MINH	NHỰT	DH13KN				3,5	4,5	8	8	0
5	13155200	NGUYỄN THỊ MỸ	NƯƠNG	DH13KN				3,6	5,5	9,1	9	1
6	13155202	BÙI THỊ HOÀNG	OANH	DH13KN				3,6	3	6,6	6	6
7	13155204	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	DH13KN				1	1	2	2	0
~~8~~	~~13155206~~	~~TRƯƠNG HUỲNH~~	~~PHÁT~~	~~DH13KN~~								
9	13155209	LÊ MINH	PHÚC	DH13KN				3,5	4	7,5	7	5
~~10~~	~~13155214~~	~~LÊ THỊ~~	~~PHỤNG~~	~~DH13KN~~								
11	13155218	LÊ THỊ TRÚC	PHƯƠNG	DH13KN				3,6	6	9,6	9	6
12	13155219	NGÔ MINH	PHƯƠNG	DH13KN				3,1	3,5	6,6	6	6
13	13155221	PHẠM THỊ MỸ	PHƯỢNG	DH13KN				3,8	5,5	9,3	9	3
14	12120121	HỒ THỊ MỸ	QUY	DH12KM				3,8	6	9,8	9	8
15	13155223	DƯƠNG THỊ	QUỲNH	DH13KN				3,4	2,5	5,9	5	9
16	13155224	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỲNH	DH13KN				3,6	2,5	6,1	6	1
17	13155225	VÕ THỊ KIM	SANG	DH13KN				3,5	4	7,5	7	5
~~18~~	~~13155228~~	~~VÕ TÂY~~	~~SƠN~~	~~DH13KN~~								

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05 Tổ : 002

Mã nhận dạng 03124

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110 Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi CT305 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13155234	KIỀU THỊ THANH	THANH	DH13KN				1	1,5	2,5	2	5
20	13155235	NGUYỄN THANH	THANH	DH13KN				3,6	2	5,6	5	6
~~21~~	~~13155237~~	~~NGUYỄN VÕ THANH~~	~~THANH~~	~~DH13KN~~								
22	13155240	NGUYỄN XUÂN	THÀNH	DH13KN				3,6	5	8,6	8	6
23	13155246	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	DH13KN				3,6	5	8,6	8	6
24	13155249	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	DH13KN				3,6	3	6,6	6	6
25	13155255	NGUYỄN NGỌC	THẮM	DH13KN		2		3,6	5	8,6	8	6
26	13155256	NGUYỄN THỊ	THẮM	DH13KN				3,6	3,5	7,1	7	1
27	13155258	TÔ THỊ KIM	THOA	DH13KN				0	1,5	1,5	1	5
28	13155264	LÊ THỊ	THÚY	DH13KN				3,8	5	8,8	8	8
~~29~~	~~13155265~~	~~LÊ THỊ THƯƠNG~~	~~THƯƠNG~~	~~DH13KN~~								
30	13155266	PHÙNG THỊ HOÀI	THƯƠNG	DH13KN				3,6	4	7,6	7	6
31	13155267	TRẦN HOÀI	THƯƠNG	DH13KN				3,6	3	6,6	6	6
32	13155274	HUỲNH QUỲNH NỮ	TỐ	DH13KN				3,7	5,5	9,2	9	2
33	13155275	ĐẶNG THỊ THU	TRANG	DH13KN				2,9	3,5	6,4	6	4
34	13155276	LÊ THỊ ĐOAN	TRANG	DH13KN				3,8	4	7,8	7	8
35	13155278	THÁI NGỌC	TRÂM	DH13KN				3,8	3,5	7,3	7	3
36	13155280	VÕ THỊ QUỲNH	TRÂM	DH13KN				3,8	4,7	8,5	8	5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 05 Tổ : 002

Mã nhận dạng 03124

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110 Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi CT305 Nhóm : 05 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
37	13155282	NGUYỄN THỊ MAI	TRÂN	DH13KN				3,6	4	7,6	7	6
38	13155284	LÊ THỊ	TRINH	DH13KN				3,6	4,5	8,1	8	1
39	13155285	LÊ THỊ MỘNG	TRINH	DH13KN				3,6	2,5	6,1	6	1
40	13155286	NGUYỄN THỊ TUYẾT	TRINH	DH13KN				3,8	4,5	8,3	8	3
41	13155288	LÊ VŨ	TRƯỜNG	DH13KN				0	1,5	1,5	1	5
42	13155290	NGUYỄN MINH	TUẤN	DH13KN				1	1,5	2,5	2	5
~~43~~	~~13155291~~	~~NGUYỄN MINH~~	~~TUẤN~~	~~DH13KN~~								
44	13155293	TRẦN THANH	TUYỀN	DH13KN				1	1,5	2,5	2	5
45	13155295	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	DH13KN				3,7	5	8,7	8	7

Số lượng vắng: 06 Hiện diện: : 39

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Phạm Tiến Dũng

TS. Trần Độc Lập

Trần Hoài Nam

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 13 Tổ : 003

Mã nhận dạng 03141

HD303

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110 Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD203 Nhóm : 13 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	11333020	TRẦN DUY	KHÁNH	CD11CQ							V	
2	12122170	HUỲNH THỊ ĐỨC	LỘC	DH12QT		1		3,7	5,5	9,2	9	2
3	13333299	HUỲNH THỊ TỐ	MAI	CD13CQ							V	
4	13123085	TRẦN THỊ	NGHĨA	DH13KE		1		3,7	5,5	9,2	9	2
5	10171130	NGUYỄN BẢO	NGUYÊN	DH10KS		1		3,7	4	7,7	7	7
6	13333403	TRẦN THANH	PHONG	CD13CQ		1		3,5	3	6,5	6	5
7	13333405	NGUYỄN ĐÌNH	PHÚ	CD13CQ		1		3,5	4	7,5	7	5
8	13333410	PHẠM VĂN	PHÚC	CD13CQ		1		3,6	4	7,6	7	6
9	12123043	DOÃN ĐÌNH	QUANG	DH12KE		1		3,7	3	6,7	6	7
10	13124304	ĐỖ THỊ THẢO	QUYÊN	DH13QL		1		3,7	5	8,7	8	7
11	13333461	VƯƠNG MINH	TÂM	CD13CQ		1		1	0,5	1,5	1	5
12	13333464	NGUYỄN VĂN	TÂN	CD13CQ		1		1	1	2	2	0
13	13333466	HUỲNH HIỆP	TẤN	CD13CQ							V	
14	13333467	NGUYỄN QUÝ	TẤN	CD13CQ							V	
15	13333468	NGUYỄN QUÝ	TẤN	CD13CQ		1		1	1	2	2	0
16	13333497	VÕ ĐỨC	THẠCH	CD13CQ		1		1	1,5	2,5	2	5
17	13333473	TRẦN ĐÌNH	THANH	CD13CQ		1		0	1	1	1	0
18	13333476	NGUYỄN QUANG	THÀNH	CD13CQ		1		3,6	2	5,6	5	6

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 13 Tổ : 003

Mã nhận dạng 03141

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110 Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD203 Nhóm : 13 Tổ : 003

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13333478	HOÀNG THỊ THANH	THẢO	CD13CQ		1		1	1,5	2,5	2	5
20	13333481	LÊ THỊ THANH	THẢO	CD13CQ		1		3,4	4,5	7,9	7	9
21	13333486	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	CD13CQ		1		3,3	2,5	5,8	5	8
22	13333487	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	CD13CQ		1		1	1	2	2	0
23	13333488	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	CD13CQ		1		3,4	4	7,4	7	4
24	12120489	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	DH12KT		1		3,6	5	8,6	8	6
25	13333490	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	CD13CQ		1		3,7	2	5,7	5	7
26	12120021	PHẠM THỊ	THẢO	DH12KT		1		3,5	4,5	8	8	0
27	13333491	THÁI THỊ THANH	THẢO	CD13CQ		1		0	1	1	1	0
28	13333494	VÕ THỊ BÍCH	THẢO	CD13CQ		1		1	1,5	2,5	2	5
29	13333507	LÊ THỊ	THI	CD13CQ	✓	✓						
30	13333508	NGUYỄN XUÂN	THI	CD13CQ		1		3,4	3,6	7	7	0
31	13333514	NGUYỄN MINH	THÔNG	CD13CQ		1		2,8	2	4,8	4	8
32	13333515	VÕ VĂN	THÔNG	CD13CQ	✓	✓						

Số lượng vắng: 6 Hiện diện: : 26

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Trần Đình Nam

TS. Trần Độc Lập

Trần Hoài Nam

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 13 Tổ : 004

Mã nhận dạng 03142

HD303

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110 Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD204 Nhóm : 13 Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13333517	ĐẶNG VĂN	THỜI	CD13CQ		1		3,4	4,5	7,9	7	9
2	13333520	NGUYỄN THỊ HOÀI	THU	CD13CQ		1		3,7	5,5	9,2	9	2
3	13333521	NGUYỄN THUY MỘNG	THU	CD13CQ		1		3,4	5,5	8,9	8	9
4	13333524	NGUYỄN THỊ NGỌC	THUY	CD13CQ		1		3,7	4,8	8,5	8	5
5	13333526	NGUYỄN THỊ NHƯ	THỦY	CD13CQ		1		3,7	5	8,7	8	7
6	13333528	HUỲNH THỊ DIỄM	THÚY	CD13CQ		1		2,5	3	5,5	5	5
7	13333529	LÊ THỊ	THÚY	CD13CQ		1		3,7	3,5	7,2	7	2
8	13333530	LÊ THỊ THANH	THÚY	CD13CQ		1		3,5	5,5	9	9	0
9	13333534	PHẠM THỊ THU	THÚY	CD13CQ		1		3,6	4,5	8,1	8	1
10	13333525	TĂNG THỊ PHƯƠNG	THÚY	CD13CQ		1		3,5	5	8,5	8	5
11	12120605	HUỲNH KIM	THƯ	DH12KT		1		3,6	5,5	9,1	9	1
12	13333539	HUỲNH THỊ CHÂU	THƯƠNG	CD13CQ		1		3,7	3,5	7,2	7	2
13	13333542	TRẦN THỊ KIỀU	TIÊN	CD13CQ		1		3,4	5,1	8,5	8	5
14	13333549	TRẦN THỊ THANH	TIẾN	CD13CQ		1		3,5	4	7,5	7	5
15	13333573	TRẦN THANH	TRÀ	CD13CQ		1		3,7	3,5	7,2	7	2
16	13333556	LÊ THỊ ĐÀI	TRANG	CD13CQ		1		3,5	4,5	8	8	0
17	13333562	NGUYỄN THỊ MAI	TRANG	CD13CQ		1		0	1,5	1,5	1	5
18	13333563	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	TRANG	CD13CQ		1		1	1,5	2,5	2	5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 13 Tổ : 004

Mã nhận dạng 03142

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110 Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD204 Nhóm : 13 Tổ : 004

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13333565	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	CD13CQ		1		1	0	1	1	
20	13333567	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	CD13CQ		1		1	0	1	1	
21	12124090	TRẦN NGỌC THIÊN	TRANG	DH12QL		1		3,4	4,5	7,9	7	9
22	13333678	TRẦN THỊ THU	TRANG	CD13CQ								
23	13333576	LÊ THỊ PHƯƠNG	TRÂM	CD13CQ		1		3,4	4	7,4	7	4
24	13333578	NGUYỄN THỊ BÍCH	TRÂM	CD13CQ		1		1	1,5	2,5	2	5
25	13333581	VÕ THỊ PHƯƠNG	TRÂM	CD13CQ		1		3,4	3,6	7	7	
26	13333596	NGUYỄN CAO	TRÍ	CD13CQ		1		0	1	1	1	
27	12120568	NGUYỄN HOÀNG	TRÍ	DH12KT		1		3,5	5,5	9	9	
28	13333600	PHAN THANH	TRÍ	CD13CQ		1		3,4	4,5	7,9	7	9
29	13333587	HUỲNH THỊ VIỆT	TRINH	CD13CQ		1		3,7	5	8,7	8	7
30	13333588	HUỲNH THỊ VIỆT	TRINH	CD13CQ		1		3,7	4,8	8,5	8	5
31	13333589	LÊ THỊ MỸ	TRINH	CD13CQ		1		3,5	3,5	7	7	
32	13123169	NGUYỄN THỊ DIỄM	TRÚC	DH13KE		1		3,5	5	8,5	8	5

Số lượng vắng: 1 Hiện diện: : 31

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Trần Chánh Linh

TS. Trần Độc Lập

Từ Hoài Nam

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 13 Tổ : 002

Mã nhận dạng 03140

HD 303

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110 Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD202 Nhóm : 13 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
1	13333089	VŨ ĐÌNH HỒNG	DƯƠNG	CD13CQ								
2	13333091	HUỲNH THỊ	ĐANG	CD13CQ								
3	13333096	HUỲNH THỊ XUÂN	ĐÀO	CD13CQ		1		3,8	5,5	9,3	9	3
4	13333098	LÊ HOÀNG	ĐẠT	CD13CQ		1		3,6	5	8,6	8	6
5	11120099	PHẠM THÀNH	ĐẠT	DH11KT		1		3,6	5	8,6	8	6
6	13333099	VÕ TRẦN THÀNH	ĐẠT	CD13CQ		1		3,4	5,5	8,9	8	9
7	13333102	NGUYỄN HỮU	ĐẮC	CD13CQ		1		3,6	3,5	7,1	7	1
8	13333101	NGUYỄN HỮU	ĐĂNG	CD13CQ		1		3,7	4,8	8,5	8	5
9	13333105	K'	ĐOÀN	CD13CQ		1		3,4	4,5	7,9	7	9
10	13333106	MAI ĐỖ CHÍ	ĐOẠT	CD13CQ		1		3,7	5	8,7	8	7
11	13333107	NGUYỄN HỒNG	ĐỒNG	CD13CQ		1		3,5	6	9,5	9	5
12	13333112	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	CD13CQ		1		3,4	4	7,4	7	4
13	13333113	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	CD13CQ		1		3,4	3	6,4	6	4
14	13333114	PHẠM MINH	ĐỨC	CD13CQ		1		3,4	3,6	7	7	0
15	11162003	LÊ PHƯƠNG	GIANG	DH11TB		1		0	1	1	1	0
16	13333118	NGUYỄN ÁNH	GIÀU	CD13CQ		1		3,3	4,5	7,8	7	8
17	13333128	TRẦN THỊ THU	HÀ	CD13CQ		1		3,4	4,5	7,9	7	9
18	13333131	ĐOÀN TRUNG	HẢI	CD13CQ		1		2,4	2,5	4,9	4	9

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
PHÒNG ĐÀO TẠO

Nhóm : 13 Tổ : 002

Mã nhận dạng 03140

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học Kỳ 2 - Năm Học 13-14

Môn Học : Kinh tế vĩ mô 1-208110 Ngày Thi : 19/06/14 Giờ thi: 14g45 - phút Phòng thi HD202 Nhóm : 13 Tổ : 002

STT	Mã SV	Họ và tên		LỚP	ký tên	Số tờ	Đ 1 (%)	Đ 2 (%)	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô tròn điểm phần nguyên	Tô tròn điểm phần lẻ
19	13333133	LÊ THỊ	HẢI	CD13CQ							10	
20	13333134	PHAN THÀNH	HẢI	CD13CQ		1		3,4	4	7,4	7	4
21	13333679	TRỊNH VĂN	HẢI	CD13CQ		1		2	2	4	4	
22	13333138	TRẦN THỊ HỒNG	HẠNH	CD13CQ		1		3,3	4	7,3	7	3
23	13333136	TRẦN THỊ THÚY	HẢO	CD13CQ		1		3,5	5	8,5	8	5
24	13333137	VŨ ANH	HẢO	CD13CQ								
25	13333141	LÝ NHẬT	HẰNG	CD13CQ		1		3,5	3,5	7	7	
26	11333174	NGUYỄN VĂN	HẬU	CD11CQ		1		3,7	4,8	8,5	8	5
27	13363084	NGUYỄN THỊ MỸ	HIỀN	CD13CA		1		3,6	5	8,6	8	6
28	13122052	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	DH13QT		1		3,5	5	8,5	8	5
29	11363037	TRƯƠNG THỊ QUỲNH	HOA	CD11CA		1		3,6	5	8,6	8	6
30	13333191	TRẦN ĐỨC	HUY	CD13CQ		1		2,4	5	7,4	7	4
31	11363185	LÊ THỊ	HUYỀN	CD11CA		1		3,6	5	8,6	8	6
32	13123059	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	DH13KE		1		3,7	5,5	9,2	9	2

Số lượng vắng: 04 Hiện diện: : 28

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 Xác nhận của khoa/bộ môn Cán bộ chấm thi 1 Cán bộ chấm thi 2

Phạm Ngọc Sáng

TS Trần Độc Lập

Trần Hoài Nam